

Bản án số: 661/2018/HS-PT
Ngày 27-11-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tô Chánh Trung

Các Thẩm phán:

Ông Đặng Văn Ý

Ông Hoàng Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Trần Ngọc Đảm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 534/2018/TLPT-HS ngày 26 tháng 9 năm 2018 đối với các bị cáo Đinh Văn H, Trần Thị H1 và Nguyễn Văn D do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 28/2018/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đinh Văn H, sinh năm 1984 tại Vương quốc Campuchia. Nơi ĐKKHKT: Số 248, ấp A1, xã A2, huyện A3, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Không có; trình độ văn hóa: chưa biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Văn B, sinh năm 1961 và bà Trần Thị M, sinh năm 1958; có vợ tên Trần Thị L, sinh năm 1990 (đã ly hôn năm 2017) và 02 người con, lớn sinh năm 2009, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giam từ ngày 10/01/2018 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

2. Trần Thị H1, sinh năm 1979 tại tỉnh Đồng Tháp. Nơi cư trú: Ấp P1, xã P2, huyện P3, tỉnh Đồng Tháp; nơi tạm trú: Số 93, đường P4, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ uốn tóc; trình độ văn hóa: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Thiện H2, sinh năm 1945 và bà Trần Thị C, sinh năm 1946; chồng, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm ngày 10/01/2018 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn D, sinh năm 1987 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nơi cư trú: Ấp P5, xã P1, huyện P6, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; nơi tạm trú: Số 93, đường P4, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Thợ hàn; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị Cẩm N, sinh năm 1966; có vợ tên Nguyễn Thị Mai H3, sinh năm 1978 (đã ly thân từ năm 2017) và có 01 người con sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không có.

Bị tạm giam ngày 10/01/2018 cho đến nay (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Trần Thị H1, Nguyễn Văn D:* Ông Nguyễn Trung C1, Luật sư Văn phòng luật sư C2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị H1, Nguyễn Văn D:* Bà D Mỹ H4, Luật sư Văn phòng luật sư A4, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh- Số 117 Đường Trần Hưng Đạo, Khu phố 3, Phường 2, thành phố A, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

- *Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Đinh Văn H:* Ông Vũ Anh T1, Luật sư Văn phòng luật sư T2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không liên quan đến nội dung kháng cáo nên Tòa không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đinh Văn H là đối tượng không có nghề nghiệp, sinh sống ở khu vực Casino tại Vương quốc Campuchia và quen biết một người phụ nữ Campuchia tên Y. Ngày 10/01/2018, H được Y thuê vận chuyển một bạch ma túy từ Campuchia về Việt Nam đến khu vực bến xe buýt thuộc huyện L3 sẽ có người đến nhận ma túy và thỏa thuận sau khi vận chuyển xong Y sẽ trả tiền công cho nhưng không thỏa thuận số tiền là bao nhiêu, H đồng ý vận chuyển. Đến khoảng 09 giờ 22 phút ngày 10/01/2018, H cất giấu bạch ma túy vào cốp xe mô tô 66N1-314.25 điều khiển xe từ Campuchia về Việt Nam, khi đến điểm cảnh giới biên phòng Nam Hiệp Thành, thuộc ấp L1, xã L2, huyện L3, tỉnh Tây Ninh thì bị lực lượng Đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài phát hiện bắt giữ.

Quá trình khai thác, đấu tranh tội phạm, H đã hợp tác với Bộ đội Biên phòng và Cơ quan Cảnh sát điều tra để truy bắt các đối tượng trong đường dây vận chuyển ma túy. Đến 20 giờ 30 phút ngày 10/01/2018, tại số 02, đường 817A, Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, lực lượng đồn Biên phòng Cửa khẩu Quốc tế Mộc Bài phối hợp với Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tây Ninh bắt quả tang Trần Thị H1 và Nguyễn Văn D đang nhận một bạch ma túy từ Đinh Văn H.

Kết quả điều tra xác định được, vào khoảng tháng 11/2017, H1 có quen với người đàn ông Campuchia tên là H thông qua X (là bạn của H1), vào ngày 05/01/2018, người đàn ông Campuchia tên H đó gặp H1 tại TP. HCM để thỏa thuận thuê H1 vận chuyển ma túy với tiền công là 20.000.000 đồng/một lần, khi nhận được ma túy thì báo cho người tên H đó biết để H chỉ đạo việc vận chuyển tiếp theo để giao cho người nhận, H1 đồng ý và rủ Nguyễn Văn D cùng tham gia. Đến ngày 10/01/2018, người đàn ông người Campuchia tên H kêu X điện thoại cho H1 và thông báo số điện thoại 01678405695 của bị cáo Đinh Văn H để liên lạc việc giao nhận ma túy, các bị cáo H1, D và H đã liên lạc với nhau đồng thời hẹn

gặp để giao và nhận ma túy tại số 02, đường 817A, Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Quá trình điều tra, các bị cáo H, H1 và D đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội. Đối với bị cáo Đinh Văn H, đã tích cực hợp tác với cơ quan chức năng để điều tra, bắt giữ các bị cáo khác.

*Kết luận giám định số: 15/MT-2018 ngày 15/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh kết luận: Mẫu chất tinh thể rắn màu trắng bên trong có 03 (ba) bịch nylon màu vàng có dòng chữ GUANYINWANG (ký hiệu M) gửi đến giám định là chấy ma túy; Là loại Methamphetamine; Khối lượng 2907,8381 gam (hai chín không bảy phẩy tám ba tám một)

* Đối với các đối tượng tên H người Campuchia, Y và X, hiện không rõ nhân thân, lai lịch và chưa làm việc được, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

* Kê biên tài sản: Các bị cáo không có tài sản nên không kê biên.

* Đồ vật tài liệu thu giữ của các bị cáo gồm:

1/ Thu giữ của bị cáo Đinh Văn H:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone màu đen, số IMEI: 355346083005833.

- 01 (một) giấy chứng minh nhân dân số 341621641, cấp ngày 03/4/2008, nơi cấp Công an tỉnh Đồng Tháp.

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe SH mode, màu xám đen, biển kiểm soát 66N1-314.25, số khung 300608, số máy JF51E-0594795.

- 02 (hai) sim điện thoại Viettel.

- 01 (một) sim điện thoại Metfone kado

- Tiền Việt Nam 4.200.000 đồng (bốn triệu hai trăm ngàn) loại mệnh giá 500.000 gồm 07 (bảy) tờ, số seri EH10248127; AV08046040; MX15793822; TV15358876; RM11337516; SH16335042; NZ15114183; loại mệnh giá 200.000 gồm 03 (ba) tờ, số seri PZ13693581; HQ09974654; QT13660756; loại mệnh giá 100.000 gồm 01 (một) tờ, số seri FZ12517666.

2/ Thu giữ của bị cáo Trần Thị H1:

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 341004012, mang tên Trần Thị H1, cấp ngày 09/5/2011, nơi cấp Công an tỉnh Đồng Tháp.

- 01 (một) Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 032178 mang tên Phạm Thị Thảo, cấp ngày 24/5/2011. Nơi cấp Công an Quận 10, Thành phố - Hồ Chí Minh.

- 01 (một) điện thoại Nokia màu đen, số IMEI 356803083961927 và 356803083961919, 01 sim điện thoại thuê bao 0919476803.

- 01 (một) điện thoại Nokia màu trắng, số seri: 354115055741050, số thuê bao 0943613465.

- 01 (một) điện thoại Nokia màu đen trắng.

3/ Thu giữ của Nguyễn Văn D:

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 273214549 mang tên Nguyễn Văn D, cấp ngày 16/10/2002. Nơi cấp Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- 01 (một) Giấy phép lái xe số AM 871563 mang tên Nguyễn Văn D, cấp ngày 17/11/2009, nơi cấp Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh.

- 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 011218 cấp ngày 23/10/2014. Nơi cấp Công an huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- 01(một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, biển số 72H1-126.20, số máy: C12E-5400941, số khung: 210DY400881, tình trạng đèn chiếu phía trước không có.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Đinh Văn H, Trần Thị H1 và Nguyễn Văn D phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đinh Văn H tù chung thân. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Thị H1 tù chung thân. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2018.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 20 (hai mươi) năm tù. Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung phạt tiền, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo, kháng nghị theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, 03 bị cáo Đinh Văn H, Trần Thị H1 và Nguyễn Văn D có đơn kháng cáo xin giảm hình phạt. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ngoài xin giảm hình phạt 03 bị cáo kháng cáo bổ sung xin miễn phần phạt tiền theo như bản án sơ thẩm xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư ông Vũ Anh T1 bào chữa cho bị cáo Đinh Văn H cho rằng bị cáo H có hành vi vận chuyển ma túy nhưng không biết đó là ma túy, không có sự thỏa thuận về tiền vận chuyển, khi bị kiểm tra bị cáo không có giấu giếm. Sau khi phạm tội bị cáo có lập công chuộc tội (điểm u khoản 1 Điều 51) tang vật bị thu giữ chưa gây ra thiệt hại (điểm h khoản 1 Điều 51).

Luật sư Dương Mỹ H4 và Luật sư Nguyễn Trung C1 bào chữa cho bị cáo H1, hai Luật sư cho rằng bị cáo H1 phạm tội trong hoàn cảnh khó khăn, phạm tội với vai trò thụ động, tang vật bị thu giữ (chưa tiêu thụ) sau khi phạm tội bị cáo thành thật khai báo, gia đình bị cáo có công với cách mạng. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Luật sư đề nghị phạt tù có thời hạn đối với bị cáo H1 và đề nghị miễn phạt 10.000.000đ đối với bị cáo H1.

Luật sư Dương Mỹ H4 và Luật sư Nguyễn Trung C1 bào chữa cho bị cáo D, hai Luật sư cho rằng bị cáo D không có mục đích sản xuất hay mua bán ma túy, bị cáo có ý nghĩ đơn giản là chở H1 nhận ma túy về cất giữ cho tên H. Bị cáo trình độ văn hóa thấp và không biết về khối lượng ma túy lớn nên Luật sư đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự để xử phạt đối với bị cáo D, giảm hình phạt cho bị cáo D và miễn phần phạt tiền 10.000.000đ đối với bị cáo D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét đơn kháng cáo xin giảm án của 03 bị cáo Đinh Văn H, Trần Thị H1 và Nguyễn Văn D làm trong hạn luật định nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét về nội dung vụ án thì thấy:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị cáo Đinh Văn H là người đăng ký hộ khẩu ở huyện A3, tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo sang Campuchia sống lang thang tại Casino từ năm 2012. Ngày 10/01/2018 bị cáo H điều khiển xe mô tô biển số 66 N1-134.25 từ Campuchia về Việt Nam không có giấy thông hành, khi đến trạm cảnh giới biên phòng Nam Hiệp Thành, huyện L3, tỉnh Tây Ninh thì bị lực lượng biên phòng cửa khẩu kiểm tra và thu giữ 01 túi nilon có 03 bịch nilon màu vàng chứa tinh thể rắn màu trắng. Sau khi lập biên bản thì cơ quan điều tra tổ chức bắt những người có quan hệ với bị cáo Đinh Văn H để nhận ma túy từ H giao, bằng cách cơ quan điều tra giao lại số ma túy nêu trên cho H vào Thành phố Hồ Chí Minh để giao ma túy cho người mua, H liên lạc với Trần Thị H1 đến khoảng 20 giờ 30 phút, ngày 10/01/2018 thì cơ quan Cảnh sát điều tra bắt quả tang Trần Thị H1 và Nguyễn Văn D vừa nhận bịch ma túy do bị cáo Đinh Văn H giao tại số 02, đường 817A, Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo kết luận giám định ngày 15/01/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Tây Ninh thì ma túy trên có khối lượng là 2907,8381 gam (hai chín không bảy phẩy tám ba tám một) là chất Methamphetamine.

[3] Qua quá trình điều tra bị cáo Đinh Văn H khai: H vận chuyển số ma túy nêu trên là của một người tên (Y) ở bên Campuchia. Bà Y nhờ H vận chuyển ma túy từ Campuchia về Việt Nam và hứa trả công cho H nhưng chưa trả.

Đối với bị cáo Trần Thị H1 khai: Số ma túy nêu trên H1 giữ dùm cho tên H người Campuchia khi nhận lại H sẽ trả công cho H1 và D 20.000.000đ.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn D khai: Sau khi nghe H1 nói nhận giữ dùm ma túy cho H, H trả công 20.000.000đ thì D dùng xe mô tô chở H1 đi nhận ma túy, hẹn tại số 02, đường 817A, Tạ Quang Bửu, Phường 5, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh thì bị bắt. Khi Công an bắt bị cáo nổ máy xe bỏ chạy làm xe ngã thì bị bắt.

[4] Lời khai nhận tội của các bị cáo Đinh Văn H, Trần Thị H1 và Nguyễn Văn D phù hợp với biên bản bắt người và tang vật thu giữ, nên có cơ sở để kết luận các bị cáo phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo như bản án sơ thẩm xử.

Ma túy là chất độc hại gây nguy hại cho sức khỏe của con người nếu con người sử dụng nó, đồng thời sử dụng ma túy cũng là nguyên nhân gây ra HIV-AIDS, các bị cáo biết được việc làm như trên của các bị cáo là phạm tội nhưng vì tư lợi mà bất chấp pháp luật. Vì vậy, hành vi phạm tội đối với loại tội này phải được xử lý nghiêm.

Khi định tội, lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm, có phân hóa vai trò từng bị cáo như:

Bị cáo Đinh Văn H tiếp nhận và vận chuyển ma túy từ Campuchia về Việt Nam, vận chuyển với lượng ma túy nêu trên là rất lớn, rơi vào điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 có khung hình phạt từ 20 năm tù, tù chung thân hoặc bị xét xử tử hình. Bị cáo Trần Thị H1 xác định bị cáo nhận giữ số ma túy nêu trên để giao lại cho tên H (người Campuchia) thì cũng phạm tội rơi vào điểm b khoản 4 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 nêu trên.

Khi định tội, lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm có xem xét các tình tiết như: Sau khi phạm tội các bị cáo thành thật khai báo, bị cáo H có công khai báo để truy bắt các bị cáo còn lại, bị cáo H1 có ông nội có công với cách mạng, bác là liệt sĩ để giảm nhẹ cho bị cáo. Xử phạt cả hai bị cáo đều là tù chung thân, xử phạt 02 bị cáo với mức án như trên là thỏa đáng.

Theo quy định tại Nghị quyết 01/2001/NQ-HĐTP ngày 15/3/2001 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn...mua bán, vận chuyển ma túy ở thể rắn có khối lượng từ 2.500 gam trở lên thì phải bị xử tử hình. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo H, H1 mức án như trên là đã xem xét chiều cố, nên không chấp nhận theo đề nghị của Luật sư đề nghị giảm án cho 02 bị cáo.

Đối với bị cáo D (người sống chung với bị cáo H1 như vợ chồng), khi được H1 nói lại nhận giữ ma túy cho H, được H cho 20.000.000đ thì D đồng ý và dùng xe mô tô chở H1 đi nhận ma túy. Bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm, đứng sau bị cáo H1. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo với mức án 20 năm cũng là thỏa đáng là xử ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

Luật sư bào chữa cho bị cáo D cho rằng bị cáo có ý nghĩ đơn giản là chở H1 đi nhận ma túy giữ dùm cho H không có mục đích sản xuất hay mua bán, bị cáo có trình độ văn hóa thấp, không biết khối lượng ma túy lớn, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017 để xử phạt đối với bị cáo và giảm hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy, do bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm nên bị cáo phải chịu chung với hậu quả, các bị cáo khác phạm vào điều khoản nào của điều luật thì bị cáo D cũng phải được áp dụng theo điều luật đó. Do tính chất vụ án là đặc biệt nghiêm trọng, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm án của bị cáo D, cũng như theo luật sư bào chữa cho bị cáo D đề nghị.

Đối với kháng cáo bổ sung xin miễn phạt tiền của 03 bị cáo thì thấy: Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền bị cáo H 20.000.000đ, bị cáo H1 và D mỗi bị cáo 10.000.000đ như trên là đúng với quy định của pháp luật, nên không chấp nhận kháng cáo bổ sung xin miễn phạt tiền đối với 03 bị cáo.

Chấp nhận theo quan điểm đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm án và kháng cáo bổ sung xin miễn phạt tiền của các bị cáo Đinh Văn H, Trần Thị H1 và Nguyễn Văn D.

Giữ nguyên Bản án Hình sự sơ thẩm số 28/2018/HS-ST ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 39 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

1. Phạt bị cáo Đinh Văn H tù chung thân.

Về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định tạm giam số: 1963/2018/HSPT-QĐTG ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 39 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

2. Phạt bị cáo Trần Thị H1 tù chung thân.

Về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định tạm giam số: 1964/2018/HSPT-QĐTG ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

3. Phạt bị cáo Nguyễn Văn D 20 (hai mươi) năm tù.

Về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”.

Thời hạn thi hành hình phạt tù tính từ ngày 10/01/2018.

Tiếp tục tạm giam bị cáo theo Quyết định tạm giam số: 1965/2018/HSPT-QĐTG ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Việc án sơ thẩm áp dụng hình phạt bổ sung, phạt tiền bị cáo Đinh Văn H 20.000.000đ, bị cáo Trần Thị H1 và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo 10.000.000đ đã có hiệu lực pháp luật.

Các quyết định còn lại của bản án sơ thẩm xét xử không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: 03 bị cáo Đinh Văn H, Trần Thị H1 và Nguyễn Văn D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 27/11/2018.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Văn Ý

Hoàng Thanh Dũng

Tô Chánh Trung

